

Số: 156/2017/CV-TAS AIRS

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- **Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
- **Mã chứng khoán:**
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 1, Tòa nhà No2-T1, khu Đoàn ngoại Giao, phố Đỗ Nhuận, phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- **Điện thoại:** 024.35876678
- **Fax:** 024.35876683
- **Người ủy quyền công bố thông tin:** Ông Đào Tiến Dương
Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Loại thông tin công bố:** định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính quý 3/2017, Giải trình biến động kết quả kinh doanh.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào ngày 20/10/2017 tại đường dẫn: <http://tasecoairs.vn/thong-tin-co-dong.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu gửi kèm:

- Biên bản ĐHĐCĐ bất thường;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường;
- Nghị quyết HĐQT Công ty Taseco Airs.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đào Tiến Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG TASECO**

-----***-----

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **753**/CV/2017
(V/v: Giải trình Kết quả hoạt động kinh doanh
Công ty mẹ và Hợp nhất quý 3/2017)

Hà nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Khoản 4.a Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trên cơ sở Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất quý 3 năm 2017, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco xin giải trình như sau:

*** Số liệu Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất		Tỷ lệ % Quý 3 2017/2016	
		Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2017	Quý 3 năm 2016	Cty Mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	56.516	44.478	180.807	84.539	126%	214%
2	Lợi nhuận sau thuế	8.337	4.159	32.137	14.464	200%	222%



*** Giải trình biến động của Công ty mẹ:**

- Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2017 của Công ty mẹ tăng lần lượt là 26% và 100% so với cùng kỳ quý 3 năm 2016 do Công ty mở rộng và khai trương thêm các cửa hàng tại sân bay Quốc tế Nội Bài.

*** Giải trình biến động của Tập đoàn:**

- Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3 năm 2017 tăng lần lượt là 14% và 22% so với cùng kỳ quý 3 năm 2016 do năm 2017 Công ty có sự hợp nhất đầy đủ kết quả kinh doanh của các Công ty thành viên.

Về kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh: Công ty kiểm soát tốt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ và Hợp nhất quý 3 năm 2017.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban được biết .
Xin trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG TASECO**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Anh Quốc

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 41

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4 ngày 30 tháng 05 năm 2017 Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco. Tiếp theo ngày 27 tháng 07 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 thay đổi vốn điều lệ lên 360 tỷ đồng,

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động vận tải hàng không;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc,
Tổng Giám đốc.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 30/09/2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		231.349.586.023	189.314.816.770
110	I. Tiền	4	113.249.696.361	41.414.286.153
111	1. Tiền		59.249.696.361	41.414.286.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		72.016.931.035	124.666.682.266
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	7.921.892.925	4.628.021.648
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	26.580.350.303	29.137.873.011
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		20.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6.1	17.514.616.757	90.900.787.607
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		71.050	-
140	III. Hàng tồn kho	7	38.094.206.281	20.929.083.181
141	1. Hàng tồn kho		38.094.206.281	20.929.083.181
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		7.988.752.346	2.304.765.170
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	4.552.909.548	2.167.946.501
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.435.842.798	77.472.622
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	59.346.047
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		349.071.376.627	178.689.907.363
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		153.886.076.410	75.376.139.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.1	153.886.076.410	75.376.139.740
220	II. Tài sản cố định		131.302.672.606	97.194.642.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	122.805.794.621	88.785.197.675
222	Nguyên giá		148.244.310.341	103.437.151.557
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(25.438.515.720)	(14.651.953.882)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8.496.877.985	8.409.444.505
228	Nguyên giá		8.806.816.588	8.606.816.588
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(309.938.603)	(197.372.083)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		643.744.600	751.601.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		643.744.600	751.601.271
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		55.219.287.655	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6.2	55.219.287.655	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		8.019.595.356	5.367.524.172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	7.982.195.356	5.365.024.172
268	2. Tài sản dài hạn khác		37.400.000	2.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		580.420.962.650	368.004.724.133

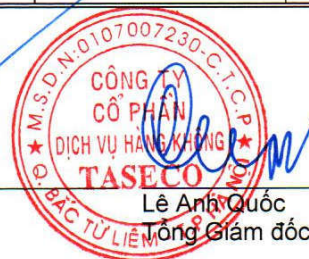
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2017 TẠI NGÀY 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		148.796.851.016	166.262.176.138
310	I. Nợ ngắn hạn		111.243.451.016	131.432.976.138
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	39.784.325.382	21.571.129.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.097.286.302	2.733.676.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	12.330.664.469	8.597.367.178
314	4. Phải trả người lao động		14.570.464.363	15.477.394.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	4.017.734.079	1.772.895.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.105.170.292	3.754.659.287
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.404.019.999	43.668.727.390
320	8. Vay ngắn hạn	16.1	24.097.744.665	32.988.186.753
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		835.102.519	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		938.946	868.938.945
330	II. Nợ dài hạn		37.553.400.000	34.829.200.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		375.000.000	375.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.2	37.178.400.000	34.454.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		431.624.111.634	201.742.547.995
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	431.624.111.634	201.742.547.995
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu (Vốn cổ phần)		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.050.118.277	41.438.712.534
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		26.678.795.859	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		41.371.322.418	41.339.768.255
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	18	3.573.993.357	(176.164.539)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		580.420.962.650	368.004.724.133

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn Quý III/2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2017	Quý III/2016	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30/09/2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30/09/2016
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	180.807.316.653	84.539.360.753	480.001.432.804	201.037.492.382
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	180.807.316.653	84.539.360.753	480.001.432.804	201.037.492.382
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(81.583.638.598)	(35.164.864.658)	(221.252.474.323)	(89.221.645.518)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.223.678.055	49.374.496.095	258.748.958.481	111.815.846.864
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.317.328.537	1.221.644.752	18.142.692.771	2.421.341.744
22	7. Chi phí tài chính	21	(1.774.806.757)	(453.109.037)	(5.047.720.611)	(1.108.491.708)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(1.671.724.888)	(453.081.012)	(4.861.102.594)	(1.107.950.578)
24	8. Phản lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		(4.780.712.345)	-	(4.780.712.345)	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	(37.275.892.749)	(22.170.956.504)	(90.660.711.497)	(54.428.451.734)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(15.548.703.704)	(7.268.118.344)	(43.133.350.022)	(26.732.505.189)
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		41.160.891.037	20.703.956.962	133.269.156.777	31.967.739.977

B02a-DN/HN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho giai đoạn Quý III/2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III/2017	Quý III/2016	Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2017	Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016
31	12. Thu nhập khác	23	244.698.229	211.627.197	1.796.741.651	582.119.768
32	13. Chi phí khác	23	(25.414.515)	(329.620.159)	(89.171.474)	(462.323.488)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	23	219.283.714	(117.992.962)	1.707.570.177	119.796.280
50	15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		41.380.174.751	20.585.964.000	134.976.726.954	32.087.536.257
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(9.242.857.567)	(4.122.285.998)	(24.684.211.113)	(6.524.335.496)
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		32.137.317.184	16.463.678.002	110.292.515.841	25.563.200.761
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		32.104.637.591	16.451.373.836	110.002.406.424	25.545.025.469
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		32.679.593	12.304.166	290.109.417	18.175.292



Trần Văn Hưng
 Người lập

Phạm Quang Viên
 Phó phòng kế toán

Hà Nội, Ngày 19 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho giai đoạn tài chính Quý III/2017 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		134.976.726.954	32.087.536.256
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		11.374.108.706	3.996.811.130
03	Các khoản dự phòng		835.102.519	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.078.468.575)	(2.024.778.297)
06	Chi phí lãi vay	21	4.861.102.594	1.107.950.578
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		137.968.572.198	35.167.519.667
09	Tăng các khoản phải thu		(12.611.552.217)	(30.459.849.276)
10	Tăng hàng tồn kho		(17.615.123.100)	(4.244.215.873)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(18.952.760.298)	4.113.731.567
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.922.083.970)	1.585.456.324
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.753.185.928)	(1.107.950.578)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(20.573.852.803)	(3.310.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(867.999.999)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		58.122.013.883	1.744.691.832
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(45.055.272.696)	(4.764.991.459)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.318.181.817	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(199.500.000.000)	(3.650.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		183.141.713.251	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(60.221.214.728)	5.627.687.578
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.435.790.769	763.925.328
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động đầu tư		(102.880.801.587)	(2.023.378.553)

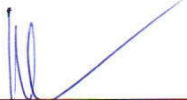
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]


B03a-DN/HN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính Quý III/2017 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

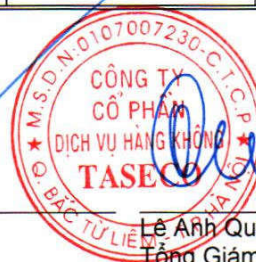
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		203.020.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		129.667.421.681	59.793.712.884
34	Tiền trả nợ gốc vay		(135.833.663.769)	(52.404.371.090)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.259.560.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		116.594.197.912	10.165.440.694
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		71.835.410.208	9.886.753.973
60	Tiền đầu kỳ		41.414.286.153	836.087.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	113.249.696.361	10.722.841.340


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó phòng kế toán


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 30 tháng 05 năm 2017 Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco. Tiếp theo ngày 27 tháng 07 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 thay đổi vốn điều lệ lên 360 tỷ đồng,

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn")	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.
4	Công ty cổ phần đầu tư truyền thông Taseco ("Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1 Tòa nhà N02T1 Khu Đoàn Ngoại Giao, P.Xuân Tảo, Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho nguyên vật liệu, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	1 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm hoặc theo thời hạn thuê vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ và dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)*

Trường hợp BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát phát sinh cho từng bên liên doanh sẽ do từng bên ghi nhận. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

Các khoản mục dưới đây được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Chi phí phải gánh chịu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)* (tiếp theo)

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế được đồng kiểm soát BCC:

Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ, cụ thể:

- Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC; và
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của Tập đoàn được hưởng.

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Tập đoàn kiểm soát BCC, Tập đoàn sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Nếu Tập đoàn không kiểm soát BCC, Tập đoàn ghi nhận phần lợi nhuận mà Tập đoàn được chia từ BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được hạch toán như sau:

- ▶ Tài sản và nghĩa vụ nợ của hai đơn vị hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Lợi thế thương mại không được ghi nhận từ việc hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh các kết quả của các đơn vị được hợp nhất từ ngày hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa phí hợp nhất kinh doanh đã trả và giá trị tài sản thuần của “công ty bị mua” được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trong vốn chủ sở hữu.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh sau:

- ▶ Hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ trong nhà ga và cảng hàng không; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	6.955.932.851	5.420.804.831
Tiền gửi ngân hàng	51.753.312.559	35.924.364.072
Tiền đang chuyển	540.450.951	69.117.250
TỔNG CỘNG	59.249.696.361	41.414.286.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	7.478.700.425	4.497.109.514
- Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	2.025.134.849	520.824.540
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.453.565.576	3.976.284.974
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	443.192.500	130.912.134
TỔNG CỘNG	<u>7.921.892.925</u>	<u>4.628.021.648</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán	6.400.976.287	1.056.488.995
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	20.179.374.016	28.081.384.016
TỔNG CỘNG	<u>26.580.350.303</u>	<u>29.137.873.011</u>

6. PHẢI THU KHÁC VÀ ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

6.1 PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	-	78.641.713.251	-
Tạm ứng cho nhân viên	9.779.278.088	-	7.566.286.871	-
Phải thu khác	7.735.338.669	-	4.692.787.485	-
TỔNG CỘNG	<u>17.514.616.757</u>	<u>-</u>	<u>90.900.787.607</u>	<u>-</u>
Dài hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	150.220.439.740	-	75.220.439.740	-
Phải thu khác	3.665.636.670	-	155.700.000	-
TỔNG CỘNG	<u>153.886.076.410</u>	<u>-</u>	<u>75.376.139.740</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Đây là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Taseco Thăng Long - công ty mẹ cấp 1, vào các dự án:

(*) Dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016, Taseco Oceanview Đà Nẵng và Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất A1.1 thuộc Lô A1.1 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Trong kỳ, lô đất A1.1 đã được chuyển nhượng và các bên tạm xác định lợi nhuận từ việc hợp tác này, theo đó, Công ty đã được hoàn khoản hợp tác đầu tư và ghi nhận thu nhập từ việc hợp tác này với số tiền là 15,8 tỷ VND (Thuyết minh số 19.2); và

(**) Dự án Hạ Long – Quảng Ninh: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (“Taseco Thăng Long”) cùng hợp tác đầu tư tại lô đất H33 và H30 thuộc Khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ được quyền mua lại toàn bộ phần diện tích sàn của khối đế (từ tầng 1-4) và diện tích sàn tầng 38, 39 để kinh doanh mảng dịch vụ khách sạn khi Dự án đi vào hoạt động với giá mua bằng giá thành xây dựng của Dự án, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150.22 tỷ VND.

6.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2017, Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, đã chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Việt Nam (“VINACS”) theo nghị quyết số 06B/2017/NQ-HDQT. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VINACS là 40% và VINACS trở thành công ty liên kết của Công ty. Thông tin chi tiết như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	<u>Loại hình</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty cổ phần suất ăn hàng không Việt Nam (“VINACS”)	40%	Công ty liên kết	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ ăn uống, cung cấp thực phẩm, Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng hóa	37.893.137.784	-	18.844.652.510	-
Nguyên liệu	-	-	1.643.653.048	-
Hàng đang đi trên đường	-	-	249.573.203	-
Công cụ, dụng cụ	201.068.497	-	191.204.420	-
TỔNG CỘNG	38.094.206.281	-	20.929.083.181	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Hàng tồn kho của Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng được trình bày trong Thuyết minh số 16.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	970.290.681	527.921.967
Chi phí sửa chữa	660.468.038	520.786.361
Chi phí thuê mặt bằng	244.220.909	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.677.929.920	1.119.238.173
TỔNG CỘNG	4.552.909.548	2.167.946.501
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.425.140.944	3.645.885.860
Chi phí sửa chữa	706.686.687	1.189.952.508
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.850.367.725	529.185.804
TỔNG CỘNG	7.982.195.356	5.365.024.172

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	64.386.472.034	16.411.846.597	879.449.221	21.759.383.705	103.437.151.557
Mua trong kỳ	16.523.230.772	4.500.221.138	140.138.000	23.764.639.457	44.928.229.367
Tặng do mua công ty con	-	-	-	493.827.568	493.827.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	80.909.702.806	20.912.067.735	1.019.587.221	45.402.952.579	148.244.310.341
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.962.224.857	4.513.391.178	216.157.570	3.960.180.277	14.651.953.882
Khấu hao trong kỳ	4.179.916.762	2.644.602.458	93.368.429	4.343.654.537	11.261.542.186
Tặng do mua công ty	-	-	-	139.917.803	139.917.803
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(614.898.151)	(614.898.151)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	10.142.141.619	7.157.993.636	309.525.999	7.828.854.466	25.438.515.720
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	58.424.247.177	11.898.455.419	663.291.651	17.799.203.428	88.785.197.675
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	70.767.561.187	13.754.074.099	710.061.222	37.574.098.113	122.805.794.621
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	47.002.461.715	6.433.382.454	-	22.322.596.906	75.758.441.075

(*) Một số tài sản đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
Mua mới		200.000.000		200.000.000
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	7.866.329.588	872.895.000	67.592.000	8.806.816.588
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	180.474.079	16.898.004	197.372.083
Hao mòn trong kỳ	-	99.983.017	12.673.503	112.566.520
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	-	280.367.096	29.571.507	309.938.603
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	492.420.921	50.693.996	8.409.444.505
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	7.866.329.588	592.527.904	38.020.493	8.496.877.985
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	7.866.329.588	-	-	7.866.329.588

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	4.123.174.536	4.123.174.536	2.297.502.703	2.297.502.703
Phải trả cho người bán khác	35.427.946.893	35.427.946.893	19.273.626.599	19.273.626.599
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	233.203.953	233.203.953	-	-
TỔNG CỘNG	39.784.325.382	39.784.325.382	21.571.129.302	21.571.129.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 09 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	1.734.090.405	15.404.689.259	(15.828.119.698)	1.310.659.966
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.063.407	1.216.037.977	(1.213.425.584)	125.675.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.379.443.527	24.684.211.113	(20.573.852.803)	10.489.801.837
Thuế thu nhập cá nhân	353.922.142	1.454.275.162	(1.406.684.886)	401.512.418
Các loại thuế khác	6.847.697	43.990.263	(47.823.512)	3.014.448
TỔNG CỘNG	8.597.367.178	42.803.203.774	(39.069.906.483)	12.330.664.469

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí tháng lương thứ 13	1.982.785.614	-
Chi phí sửa chữa	-	381.855.000
Chi phí ăn ca	385.251.000	322.222.500
Chi phí phải trả khác	1.649.697.465	1.068.818.393
TỔNG CỘNG	4.017.734.079	1.772.895.893

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	7.105.170.292	3.754.659.287
TỔNG CỘNG	7.105.170.292	3.754.659.287

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	913.241.151	2.237.502.825
Phải trả bảo hiểm	152.972.000	931.529.785
Nhận đặt cọc ngắn hạn	313.000.000	204.000.000
Phải trả nhân viên	-	171.656.887
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	823.800.000	39.191.289.901
Các khoản phải trả khác	4.201.006.848	932.747.992
TỔNG CỘNG	6.404.019.999	43.668.727.390

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

16. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 09 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	26.915.786.753	26.915.786.753	106.675.021.680	(119.827.063.768)	13.763.744.665	13.763.744.665	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.072.400.000	6.072.400.000	10.308.200.000	(6.046.600.000)	10.334.000.000	10.334.000.000	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	-	9.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-	
TỔNG CỘNG	32.988.186.753	32.988.186.753	125.983.221.680	(134.873.663.768)	24.097.744.665	24.097.744.665	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(11.268.200.000)	37.178.400.000	37.178.400.000	
TỔNG CỘNG	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(11.268.200.000)	37.178.400.000	37.178.400.000	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
 [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 09 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	01/2016-HDTDHM/NHCT480-TASECOĐ N	13.763.744.665	Từ 30 tháng 8 năm 2016 đến 25 tháng 8 năm 2017	Lãi suất cho vay xác định theo từng khoản nợ và điều chỉnh lãi vào ngày 25 hàng tháng	+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO kí giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Thăng Long. + Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO kí giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và ông Đoàn Trung Hiếu. + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03/2015/HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng. + Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển số 04/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco Đà Nẵng.
TỔNG CỘNG					
					13.763.744.665

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[Tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 09 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	76/2016-HDTDDA/NH CT145-TASECO	1.789.500.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong kỳ là 8,4%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,66 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-583.19 với giá trị còn lại 886.811.365 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.83 với giá trị còn lại 886.811.365 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.59 với giá trị còn lại 886.811.365 VND
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		798.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	36/2017-HDTDDA/NH CT145-TASECO	1.685.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,29 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-747.66 với giá trị còn lại 1.143.417.538 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-747.91 với giá trị còn lại 1.143.417.538 VND
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		612.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	38/2017-HDTDDA/NH CT145-TASECO	2.361.500.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,87 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 717.129.817 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 717.129.817 VND
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		857.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 09 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	14/2017/HDT DDA/NHCT14 5-TASECO	3.544.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,7% + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-718.86 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-720.45 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.14 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.97 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.39 với giá trị còn lại 1.013.925.734 VND	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 5,1 tỷ VND bao gồm:
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		1.416.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	26/2016/HDTD /NHCT145-TASECONB	2.032.800.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất hiện tại đang được tính là 7,5%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 794.468.896 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 794.468.896 VND + Xe ô tô Toyota Camry biến kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 882.886.672 VND
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		554.400.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngân hàng TMCP 38/2017/HĐTC 2.604.400.000 26 tháng 07 năm
 Công thương Việt -NHCT145- 2017 đến ngày 26
 Nam – Chi nhánh TASECO tháng 07 năm
 Bắc Thăng Long 2010

Lãi suất hiện tại Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn
 đang được tính lại là 3,5 tỷ VND bao gồm:
 + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E –
 505.66 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
 + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E –
 505.52 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
 + Xe ô tô Toyota Camry biến kiểm soát 30E-
 505.81 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND

*Trong đó: Vay dài
 hạn đến hạn trả*
 Ngân hàng TMCP
 Công thương Việt
 Nam – Chi nhánh
 Bắc Thăng Long

919.200.000
 1.733.200.000
 37/2017/HĐTC
 -NHCT145-
 TASECO

Từ ngày 26 tháng
 07 năm 2017 đến
 ngày 26 tháng 07
 năm 2017

Lãi suất hiện tại Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn
 đang được tính lại là 1,3 tỷ VND bao gồm:
 + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E –
 505.22 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND
 + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E –
 505.99 với giá trị còn lại 1.166.331.142 VND

*Trong đó: Vay dài
 hạn đến hạn trả*

632.200.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	260/2015/MC B - KHDN	31.080.000.000	108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2017 là: 9,3%/năm.	Quyền vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào Taseco Oceanview Đà Nẵng; Tài sản hình thành từ vốn vay công trình xây dựng gồm tầng hầm, tầng 1, 2, 22, 23 của Khách Sạn Oceanview Đà Nẵng
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		4.400.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông	0195/KHBL/1 7TH	681.600.000	Trả gốc và lãi vay trả dần vào ngày 26 hàng tháng	Lãi suất trong kỳ là 7,7%	Xe ô tô biển kiểm soát 51F-473.48 với giá trị còn lại 1.133.699.623 VND
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		145.200.000			
TỔNG CỘNG		47.512.400.000			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

10.334.000.000

Vay dài hạn

37.178.400.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận chưa phân phối		
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.126.277.100	98.944.279	-	27.225.221.379
- Tăng vốn	22.853.722.900	-	-	22.853.722.900
- Lợi nhuận trong kỳ	-	25.545.025.469	18.175.292	25.563.200.761
- Tăng lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	25.836.393	25.836.393
- Giảm khác	-	(833.831.909)	-	(833.831.909)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016	49.980.000.000	24.810.137.839	44.011.685	74.834.149.524
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995
- Tăng vốn (**)	199.520.000.000	-	3.500.000.000	203.020.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	110.002.406.424	290.109.417	110.292.515.841
- Tăng do mua công ty con	-	-	444.872	444.872
- Cổ tức công bố (*)	-	(80.240.000.000)	(34.560.000)	(80.274.560.000)
- Giảm khác	-	(3.151.000.681)	(5.836.394)	(3.156.837.075)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017	360.000.000.000	68.050.118.277	3.573.993.357	431.624.111.634

(*) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2017 phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,240 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80,225 tỷ VND.

(**) Theo Biên bản số 04/2017/ĐHĐCĐ-BB của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017 và theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2017, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2017/BB-HĐQT ngày 07/07/2017 và nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 07/07/2017, HĐQT đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	216.000.000.000	216.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Các cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
TỔNG CỘNG	360.000.000.000	360.000.000.000	-	160.480.000.000	160.480.000.000	-

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	160.480.000.000	49.980.000.000
Số đầu kỳ	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp tăng trong kỳ	199.520.000.000	22.853.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền mặt	199.520.000.000	2.776.098.900
Bằng các loại chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào công ty con	-	19.980.000.000
Số cuối kỳ	360.000.000.000	49.980.000.000
Cổ tức đã chia	(80.225.000.000)	-

17.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 09 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

18. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	<i>Taseco Đà Nẵng</i>	<i>Truyền thông Media</i>	<i>Taseco Sài Gòn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2017				
Vốn đã góp	20.000.000	-	3.500.000.000	3.520.000.000
Tăng do mua công ty con	-	444.872	-	444.872
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	63.035.763	(7.643)	25.080.365	88.108.485
Cổ tức đã chia lũy kế	(34.560.000)	-	-	(34.560.000)
	48.475.763	437.229	3.525.080.365	3.573.993.357
Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017				
Phần lợi nhuận sau khi mua cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017	37.265.796	-	252.851.265	290.109.417
	37.265.796	-	252.851.265	290.109.417

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	<i>Quý III/2017</i>	<i>Quý III/2016</i>	<i>Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017</i>	<i>Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016</i>
Tổng doanh thu	180.807.316.653	84.539.360.753	480.001.432.804	201.037.492.382
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán hàng</i>	104.634.671.431	54.821.607.611	281.820.646.749	134.485.337.676
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	76.172.645.222	29.717.753.142	198.180.786.055	66.552.154.706
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	180.807.316.653	84.539.360.753	480.001.432.804	201.037.492.382
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	104.634.671.431	54.821.607.611	281.820.646.749	134.485.337.676
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	76.172.645.222	29.717.753.142	198.180.786.055	66.552.154.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III/2017	Quý III/2016	Đơn vị tính: VND	
			Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017	Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.124.938.629	1.150.199.433	1.657.372.186	2.280.364.544
Lãi chênh lệch tỷ giá	192.389.908	71.445.319	599.302.760	140.977.200
Lợi nhuận được chia (*)	-	-	15.883.626.917	-
Chiết khấu thanh toán	-	-	2.390.908	-
TỔNG CỘNG	1.317.328.537	1.221.644.752	18.142.692.771	2.421.341.744

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính (tiếp theo)

(*) Đây là khoản thu nhập ghi nhận từ việc hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Taseco Thăng Long - công ty mẹ cấp 1, vào dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 6).

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý III/2017	Quý III/2016	Đơn vị tính: VND	
			Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017	Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.576.739.145	25.218.781.230	125.019.088.175	60.971.268.875
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.006.899.453	9.946.083.428	96.233.386.148	28.250.376.643
TỔNG CỘNG	81.583.638.598	35.164.864.658	221.252.474.323	89.221.645.518

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III/2017	Quý III/2016	Đơn vị tính: VND	
			Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017	Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	1.671.724.888	453.081.012	4.861.102.594	1.107.950.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.081.869	28.025	186.618.017	541.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.774.806.757	453.109.037	5.047.720.611	1.108.491.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý III/2017	Quý III/2016	Đơn vị tính: VND	
			Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017	Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016
Chi phí bán hàng				
Chi phí nhân công	13.036.170.924	10.690.734.987	35.381.285.871	25.424.351.815
Chi phí thuê kho, mặt bằng	11.679.729.693	6.749.451.408	25.268.699.579	13.962.087.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.286.559.843	2.655.812.757	14.718.426.548	8.761.448.895
Chi phí khác	6.212.828.535	552.109.401	7.628.853.806	832.818.234
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.312.704.149	1.187.721.635	4.575.225.208	4.120.491.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.747.899.605	335.126.316	3.088.220.485	1.327.253.399
TỔNG CỘNG	37.275.892.749	22.170.956.504	90.660.711.497	54.428.451.734
Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Chi phí nhân công	7.633.421.614	4.572.413.057	23.615.153.553	11.631.754.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.160.150	135.223.243	1.108.380.619	382.056.541
Chi phí khác	4.178.538.731	1.361.998.992	7.742.177.078	1.711.936.335
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.799.451.035	563.196.299	2.282.911.257	923.615.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	736.119.737	240.850.334	6.529.326.610	7.973.297.231
Chi phí thuê kho, mặt bằng	792.012.437	394.436.419	1.855.400.905	1.105.300.000
Chi phí tư vấn	-	-	-	3.004.545.455
TỔNG CỘNG	15.548.703.704	7.268.118.344	43.133.350.022	26.732.505.189

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý III/2017	Quý III/2016	Đơn vị tính: VND	
			Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017	Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016
Thu nhập khác				
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	90.909.091	-	1.227.272.726	-
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	63.285.999	80.958.300	214.786.422	342.249.035
Khác	90.503.139	130.668.897	354.682.503	239.870.733
	244.698.229	211.627.197	1.796.741.651	582.119.768
Chi phí khác				
Tiền nộp phạt	12.636.274	-	34.024.554	-
Lỗ từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	288.487.671	-	382.409.576
Chi phí khác	12.778.241	41.132.488	55.146.920	79.913.912
	25.414.515	329.620.159	89.171.474	462.323.488
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	219.283.714	(117.992.962)	1.707.570.177	119.796.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2017</i>	<i>Giai đoạn 09 tháng đầu năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.684.211.113	6.524.335.496
TỔNG CỘNG	24.684.211.113	6.524.335.496

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

24.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 506.157.552 VND đã sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong kỳ. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/09/2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/09/2017</i>
2016 (*)	2021	506.157.552	(506.157.552)	-	-
TỔNG CỘNG		506.157.552	(506.157.552)	-	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính của Taseco Sài Gòn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2.250.000	4.245.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Công ty CP Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	7.050.000	-
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Cung cấp dịch vụ	433.892.500	19.060.000
			443.192.500	130.912.134
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Trả trước tiền thuê căn hộ	20.179.374.016	28.081.384.016
			20.179.374.016	28.081.384.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu khác (Thuyết minh số 6)				
Ngắn hạn				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Đặt cọc tiền tham gia dự thầu mặt bằng cảng Phú Quốc	663.928.969	-
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	78.641.713.251
		Chi hộ trả hộ	-	220.063.636
Các cá nhân liên quan khác	Cá nhân liên quan	Tạm ứng	-	5.492.175.531
			663.928.969	84.353.952.418
Dài hạn				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	75.220.439.740
			150.220.439.740	75.220.439.740
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Chi phí thuê quầy và nhượng quyền	233.203.953	-
			233.203.953	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 15)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Phải trả về nhận vốn góp công ty con – Taseco Đà Nẵng	-	5.830.557.011
		Phải trả về nhận vốn góp công ty con – Taseco Oceanview Đà Nẵng	-	33.360.732.890
		Chi hộ	823.800.000	-
			823.800.000	39.191.289.901

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016</i>		
Lương và thưởng	958.550.000	1.016.410.000		
Thu nhập khác	59.500.000	65.520.000		
TỔNG CỘNG	1.018.050.000	1.081.930.000		

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho giai đoạn Quý III năm 2017 và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)


Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

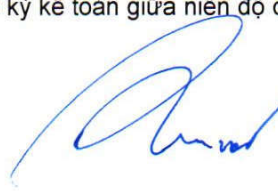
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	110.292.515.841	25.563.200.761
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(703.420.282)
Phải trả cho bên hợp tác kinh doanh	(1.891.273.638)	
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	108.401.242.203	24.859.780.479
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.490.579	3.795.030
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	22.490.579	3.795.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.820	6.331
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.820	6.331

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2017 của Công ty và Taseco Đà Nẵng.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính chín tháng đầu năm 2017 chưa được điều chỉnh cho khoản quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Hội đồng quản trị để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của kỳ này. Tuy nhiên, lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính chín tháng đầu năm 2017 được điều chỉnh cho khoản phải trả cho bên hợp tác kinh doanh theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với đối tác.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phó phòng kế toán


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2017